

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 18/2025/LĐ-ST

Ngày: 31-3-2025

V/v: “Tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động vô
hiệu”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lý Thanh Lan – Phó chủ tịch liên đoàn lao động thành phố Bến Cát;
- Bà Nguyễn Thị Thắm – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 17/2025/TLST-LĐ Ngày 15/01/2025 về việc: “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-LĐ ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim E, sinh năm 1983; địa chỉ: Nhà trọ H, số I, đường N, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 (Việt Nam); địa chỉ: Đường D, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Có đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2025 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Kim E trình bày:

Từ tháng 07/2005 liên tục đến ngày 10/11/2023, tôi là nhân viên chính thức của Công ty TNHH D, địa chỉ trụ sở: Đường N, khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Mã số bảo hiểm: 9105099907 cấp tháng: 07/2005 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương cấp. Tôi làm việc tại Công ty TNHH D là 18 năm 01 tháng.

Bà Nguyễn Thị C là chị họ phía bên chồng tôi. Vào tháng 09/2005 do chị Nguyễn Thị C không đủ tuổi để đi làm việc (17 tuổi) nên tôi có cho chị C mượn hồ sơ xin việc làm mang tên của tôi để đi xin việc làm gồm: Đơn xin việc, sổ hộ khẩu, giấy tạm trú, Giấy xác nhận hạnh kiểm và CMND mang tên Huỳnh Kim E (số CMND 381335246) để chị C đi xin việc làm tại Công ty TNHH C1, địa chỉ trụ sở: Đường D, khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Sau đó chị C được Công ty TNHH C1 tuyển dụng vào làm việc với chức danh là công nhân, làm việc tại bộ phận S.

Tôi được biết giữa bà Nguyễn Thị C và Công ty TNHH C1 có ký kết Hợp đồng lao động và thời gian làm việc từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006.

Trong thời gian làm việc là 08 tháng tại Công ty TNHH C1 thì Công ty có đóng bảo là 08 tháng theo quy định cho chị Nguyễn Thị C với tên hồ sơ bảo hiểm xã hội là Huỳnh Kim E theo quy định. Mã số bảo hiểm xã hội của chị Nguyễn Thị C trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH C1 là 9105125708 cấp vào tháng 09/2005 do bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương cấp với tên Huỳnh Kim E.

Ngày 01/05/2006, chị Nguyễn Thị C nghỉ việc tại Công ty TNHH C1 do bị bệnh đột xuất phải về quê trị bệnh vì thế Công ty TNHH C1 không cấp giấy Quyết định thôi việc, chị Nguyễn Thị C không rút được tiền bảo hiểm xã hội.

Về phần tôi, sau khi nghỉ làm tại Công ty TNHH D, tôi đã liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để nhận tiền bảo hiểm xã hội thì được biết mã số bảo hiểm xã hội của tôi: 9105099907 cấp tháng: 07/2005 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương cấp cho tôi trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH D bị trùng với mã số bảo hiểm xã hội: 9105125708 cấp vào tháng 09/2005 do bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương cấp cũng với tên Huỳnh Kim E. Vì lý do đã nêu trên tôi không thể làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội được vì cùng một tên mà mang hai mã số bảo hiểm xã hội khác nhau và Cơ quan bảo hiểm có hướng dẫn tôi khởi kiện tại Tòa án.

Như vậy, tôi đã cho chị chồng là Nguyễn Thị C mượn hồ sơ xin việc, trong đó có CMND của tôi để chị Nguyễn Thị C (lấy tên tôi Huỳnh Kim E) để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1, được Công ty TNHH C1 đóng bảo hiểm xã hội với tên là Huỳnh Kim E dẫn đến trên hệ thống bảo hiểm

xã hội tôi tham gia bằng 02 mã số bảo hiểm xã hội là 9105099907 (hồ sơ thật) và 9105125708 (hồ sơ giả). Điều này dẫn đến quyền lợi của tôi bị xâm phạm.

Do đó bà E khởi kiện cầu Toà án giải quyết: Yêu cầu Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị C (lấy tên hồ sơ Huỳnh Kim E) với Công ty trách nhiệm hữu hạn C1 là vô hiệu.

Ngày 12/3/2025, nguyên đơn bà Huỳnh Kim E xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006 theo sổ bảo hiểm xã hội số: 9105125708 cấp cho bà Huỳnh Kim E

Bị đơn bà Nguyễn Thị C vắng mặt nhưng trong quá trình tham gia tố tụng, bà C có lời khai và văn bản trình bày cụ thể như sau:

Tôi Nguyễn Thị C là chị họ của bà Huỳnh Kim E.

Vào tháng 09/2005, do lúc này tôi mới được 17 tuổi nên không đủ tuổi để đi xin việc làm, do đó tôi có mượn của chị Huỳnh Kim E 01 bộ hồ sơ xin việc làm mang tên của chị Huỳnh Kim E để đi xin việc làm gồm: Đơn xin việc, sổ hộ khẩu, giấy tạm trú, Giấy xác nhận hạnh kiểm và CMND mang tên Huỳnh Kim E (số CMND 381335246) để đi xin việc làm tại Công ty TNHH C1, địa chỉ trụ sở: Đường D, khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Khi Công ty phỏng vấn, tuyển dụng tôi vào làm việc, tôi không nói cho Công ty biết việc tôi mượn hồ sơ của người và Công ty cũng không phát hiện việc này.

Sau đó tôi được Công ty TNHH C1 tuyển dụng vào làm việc với chức danh là công nhân, làm việc tại bộ phận S, có ký kết Hợp đồng lao động và thời gian làm việc từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006. Lúc ký, Công ty có giao cho tôi hợp đồng lao động và thẻ công nhân nhưng tôi đã làm thất lạc, hiện nay không có bản hợp đồng lao động nào để cung cấp cho Toà án, cũng không lưu giữ bất cứ tài liệu, chứng cứ nào.

Tôi làm việc tại Công ty TNHH C1 được 08 tháng và được Công ty Đ đầy đủ với tên Huỳnh Kim E. Mã số bảo hiểm xã hội của tôi trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH C1 là 9105125708 cấp vào tháng 09/2005 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ cấp với tên Huỳnh Kim E, thời gian tham gia bảo hiểm xã hội là từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006 tại Công ty TNHH C1.

Ngày 01/05/2006, tôi nghỉ việc tại Công ty TNHH C1 do bị bệnh đột xuất phải về quê trị bệnh. Vì vậy Công ty TNHH C1 không cấp giấy Quyết định thôi việc, nên tôi không rút được tiền bảo hiểm xã hội.

Trong khoảng thời gian này thì chị Huỳnh Kim E cũng đang làm việc tại Công ty TNHH D, ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định cho chị Em. Mã số bảo hiểm xã hội của chị Em là 9105099907.

Như vậy, tôi (C) đã dùng hồ sơ xin việc của chị Huỳnh Kim E để xin việc làm và đóng bảo hiểm xã hội (mã số 9105125708) đã trùng với mã số bảo hiểm xã hội của chị Huỳnh Kim E (mã số 9105099907).

Nay trước yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim E, tôi có ý kiến như sau:

1. Tôi (C2) đồng ý yêu cầu Toà án tuyên Hợp đồng lao động được ký kết giữa tôi (thực tế lấy tên Huỳnh Kim E) và Công ty TNHH C1 là vô hiệu do tôi lừa dối khi tham gia giao kết.

2. Về việc huỷ kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo mã số bảo hiểm xã hội 9105125708 từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006 tại Công ty TNHH C1 thì tôi đồng ý huỷ vì lỗi làm cho hợp đồng lao động vô hiệu là hoàn toàn do tôi, không liên quan đến Công ty và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương và Toà án các cấp (nếu có) giải quyết vắng mặt tôi trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Công ty TNHH C1 (Việt Nam) vắng mặt nhưng quá trình tham gia tố tụng, có văn bản trình bày tóm tắt như sau:

Công ty TNHH C1 (Việt Nam) xác nhận vào thời điểm từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2026, phía công ty có tuyển dụng và nhận được hồ sơ xin tuyển dụng của người lao động có thông tin: Bà Huỳnh Kim E, sinh năm 1983; CMND 381335246; Địa chỉ: T - Đ- Cà Mau. Phía công ty có ký kết hợp đồng lao động và nhận vào làm việc, tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời gian làm việc tại công ty từ tháng 09/2025 đến tháng 05/2026, theo sổ bảo hiểm xã hội số: 9105125708.

Sau đó người lao động tên Huỳnh Kim E nghỉ việc. Do thời gian đã lâu và qua nhiều lần thay thế nhân sự phụ trách lưu kho, sổ sách nên hồ sơ của người lao động tên Huỳnh Kim E phía công ty không còn lưu trữ. Việc bà Nguyễn Thị C lấy tên hồ sơ Huỳnh Kim E để xin việc tại Công ty thì Công ty không biết. Công ty Q thông qua giấy tờ tùy thân, hồ sơ lý lịch có liên quan và đóng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật. Do đó đến nay, phía công ty không xác định được người lao động thực tế đã làm việc tại công ty C3 có đúng với người lao động có thông tin thật như thể hiện trong hợp đồng lao động hay không. Đến khi công ty nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc trùng bảo hiểm xã hội đối với người lao động có tên Huỳnh Kim E thì công ty mới được biết sự việc nêu trên.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty xin trình bày toàn bộ nội dung liên quan đến hồ sơ của người lao động có tên Huỳnh Kim E như nêu trên. Đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết trong thời gian từ tháng 09/2025 đến tháng 05/2026 giữa người lao động có thông tin họ và tên Huỳnh Kim E với Công ty TNHH C1 (Việt Nam) là vô hiệu thì Công ty TNHH C1 (Việt Nam) không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động này vô hiệu.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố Đ, tỉnh Bình Dương vắng mặt nhưng quá trình tham gia tố tụng có văn bản trình bày cụ thể tại Công văn số 55/CV-BHXXH đề ngày 05/02/2025 như sau:

1/ Công ty TNHH C1 (Việt Nam) có tham gia đóng BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) với tên Huỳnh Kim E, sinh năm 1983, CMND số: 381335246, số sổ bảo hiểm xã hội: 9105125708 có quá trình như sau:

+ Từ tháng 09/2005 đến tháng 01/2006, công nhân Công ty TNHH C1 (Việt Nam), có địa chỉ: Đường D, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương - mức lương 560.000 đồng;

+ Từ tháng 02/2006 đến tháng 05/2006, là công nhân Công ty TNHH C1 (Việt Nam), có địa chỉ: Đường D, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương - mức lương 850.000 đồng;

2/ Bà Huỳnh Kim E (người lấy tên hồ sơ) không liên hệ cơ quan BHXH thành phố B để giải quyết chế độ BHXH và hưởng trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp ốm đau theo số sổ bảo hiểm xã hội: 9105125708 mang tên Huỳnh Kim E.

3/ Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim E, Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương đề nghị quý Tòa án giải quyết, xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không ai cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật theo quy định tại Điều 32, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68, 85 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc hòa giải, thu thập chứng cứ đúng quy định tại các Điều 98, 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị căn cứ các Điều 117, 122, 124, 126, 127, 132 Bộ Luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”. Căn cứ khoản 5 Điều 32; điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 của Bộ luật lao động năm 2019 xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ngày 12/3/2025, nguyên đơn bà Huỳnh Kim E xin rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006 theo sổ bảo hiểm xã hội số: 9105125708 cấp cho bà Huỳnh Kim E. Đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này.

Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, là quyền tự quyết định, định đoạt của nguyên đơn và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Huỳnh Kim E với Công ty TNHH C1 (Việt Nam) là vô hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của nguyên đơn bà E và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Từ tháng 07/2005 liên tục đến ngày 10/11/2023, bà E làm việc tại Công ty TNHH D (Việt Nam), địa chỉ tại: Đường N, khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian làm việc tại công ty này, bà E có tham gia đóng bảo hiểm xã hội với mã số: 9105099907.

Vào tháng 09/2005, bà E cho bà Nguyễn Thị C mượn hồ sơ xin việc làm mang tên là Huỳnh Kim E để đi xin việc làm tại Công ty TNHH C1 (Việt Nam), địa chỉ trụ sở: Đường D, khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Ngay sau đó giữa bà C (tên hồ sơ Huỳnh Kim E) và Công ty TNHH C1 (Việt Nam) ký Hợp đồng lao động và được Công ty TNHH C1 (Việt Nam) đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006, theo sổ bảo hiểm xã hội số: 9105125708.

Theo lời trình bày của bị đơn bà C cho thấy: Tên thật của bà là Nguyễn Thị C, sinh năm 1988 nhưng hồ sơ đi làm tại Công ty TNHH C1 (Việt Nam) là Huỳnh Kim E, sinh năm 1983. Lời trình bày này phù hợp với kết quả thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án từ Công ty TNHH C1 (Việt Nam) và tài

liệu, chứng cứ do Bảo hiểm xã hội thành phố Đ, tỉnh Bình Dương cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được.

Căn cứ theo quá trình đóng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm xã hội số 9105099907 cho thấy: Thực tế từ tháng 07/2005 liên tục đến tháng 11/2023 bà Huỳnh Kim E làm việc tại Công ty TNHH D, địa chỉ trụ sở: Đường N, khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương và cũng được đóng bảo hiểm xã hội, sổ sổ bảo hiểm xã hội là 9105099907. Chính việc bà Huỳnh Kim E cho bà C mượn hồ sơ mang tên của mình để bà C xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1, được Công ty này đóng bảo hiểm xã hội trong toàn bộ thời gian làm việc tại đây, dẫn đến hệ quả trên hệ thống bảo hiểm xã hội cùng một người nhưng có 02 mã số bảo hiểm xã hội khác nhau (9105099907 – hồ sơ thật mang tên Huỳnh Kim E) và 9105125708 (hồ sơ giả mang tên Huỳnh Kim E). Sự việc xảy ra này xuất phát từ việc bà C đã sử dụng hồ sơ, chứng minh nhân dân mang tên của bà Huỳnh Kim E để ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH C1 từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006. Điều này cũng được bà Nguyễn Thị C thừa nhận trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, được Công ty TNHH C1 (Việt Nam) thừa nhận có tiếp nhận hồ sơ xin việc với tên Huỳnh Kim E, sinh năm 1983; CMND 381335246; Địa chỉ: T - Đ- Cà Mau, phía công ty có ký kết hợp đồng lao động và nhận vào làm việc, tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời gian làm việc tại công ty từ tháng 09/2025 đến tháng 05/2026 theo sổ bảo hiểm số 9105125708.

Mặt khác, cùng thời điểm từ tháng 07/2005 liên tục đến tháng 11/2023 bà Huỳnh Kim E làm việc tại Công ty TNHH D và cũng được đóng bảo hiểm xã hội với sổ sổ bảo hiểm là 9105099907. Bà E khẳng định bà chưa từng làm việc tại Công ty TNHH C1. Điều này cho thấy: Người thực tế giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH C1 (Việt Nam) từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006 không phải là bà Huỳnh Kim E mà là bà Nguyễn Thị C nhưng lại lấy tên hồ sơ là Huỳnh Kim E để tham gia ký kết hợp đồng lao động, tham gia đóng Đ (mã số sổ 9105125708 mang tên Huỳnh Kim E).

Như vậy, sự việc này được các bên đương sự thừa nhận và không ai phản đối, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hợp đồng lao động: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không ai cung cấp được hợp đồng lao động, tuy nhiên dựa trên kết quả cung cấp của cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương cung cấp có thông tin bà Huỳnh Kim E có tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH C1 từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006 với mã số bảo hiểm xã hội 9105125708 mang tên Huỳnh Kim E.

Các đương sự cho rằng có ký kết hợp đồng lao động nhưng hiện không còn bản hợp đồng lao động nào để cung cấp do đã bị thất lạc, không còn lưu trữ. Tuy nhiên căn cứ Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội như sau: *“Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ ba tháng trở*

lên... ”. Như vậy, tại thời điểm này giữa bà C (tên hồ sơ Huỳnh Kim E và Công ty TNHH C1 (Việt Nam) có ký kết hợp đồng lao động thì Công ty mới làm thủ tục để tham gia bảo hiểm xã hội với tên hồ sơ Huỳnh Kim E. Do đó, có căn cứ xác định tại thời điểm từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006 giữa Công ty TNHH C1 và bà C (lấy tên hồ sơ Huỳnh Kim E) có quan hệ lao động và xác lập hợp đồng lao động.

Từ những phân tích, đánh giá và chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định: Chủ thể ký kết và thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 (Việt Nam) từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006 trong trường hợp này là bà Nguyễn Thị C, không phải là bà Huỳnh Kim E. Việc bà Nguyễn Thị C đã mượn hồ sơ mang tên Huỳnh Kim E để tham gia giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 (Việt Nam) là vi phạm nguyên tắc trung thực trong cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động, vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động và không đúng chủ thể giao kết hợp đồng, vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Hậu quả dẫn đến trên hệ thống bảo hiểm xã hội bà Huỳnh Kim E mang 02 mã số bảo hiểm xã hội là 9105099907 và 9105125708. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà E. Vì vậy nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E, cần tuyên hợp đồng lao động trên là vô hiệu toàn bộ do có sự lừa dối khi tham gia giao kết hợp đồng.

[5] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự trong vụ án không ai yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân thành phố B, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 32; điểm v khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; 273; 280 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006;

Áp dụng khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50; Điều 220 của Bộ luật lao động năm 2019;

Áp dụng Điều 26, 27, 29, 30 của Bộ luật lao động năm 1994;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim E đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Huỳnh Kim E (do bà Nguyễn Thị C lấy tên Huỳnh Kim E khi giao kết) và Công ty TNHH C1 (Việt Nam) vô hiệu.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2005 đến tháng 05/2006 theo sổ bảo hiểm xã hội số: 9105125708 cấp cho bà Huỳnh Kim E.

4. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm. Bà Huỳnh Kim E không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

